

# ChatGPT's results in Vietnamese National High School Graduation Examination: Geography

Authors:

Xuan-Quy DAO, EIU, [quy.dao@eiu.edu.vn](mailto:quy.dao@eiu.edu.vn)

## 2023 Illustration Examination

### ChatGPT Feb 13 Version

Prompt (Câu hỏi)	ChatGPT's answer (Câu trả lời)															
<p>Câu 41. Cho bảng số liệu: <b>TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ NĂM 2020</b> (Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)</p> <table><thead><tr><th>Năm</th><th>Lào</th><th>Thái Lan</th><th>Việt Nam</th><th>In-đô-nê-xi-a</th></tr></thead><tbody><tr><td>2015</td><td>1043</td><td>151266</td><td>28250</td><td>103268</td></tr><tr><td>2020</td><td>1393</td><td>248743</td><td>94834</td><td>131139</td></tr></tbody></table> <p>(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022) Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia năm 2020 với năm 2015?</p> <p>A. Việt Nam tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan tăng chậm hơn Việt Nam. C. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Lào. D. Lào tăng nhanh hơn Thái Lan.</p>	Năm	Lào	Thái Lan	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	2015	1043	151266	28250	103268	2020	1393	248743	94834	131139	<p>Để so sánh tăng trưởng tổng dự trữ quốc tế của các quốc gia từ năm 2015 đến năm 2020, chúng ta cần tính toán tăng trưởng tuyệt đối và tăng trưởng phần trăm của từng quốc gia.</p> <p>Tổng dự trữ quốc tế của từng quốc gia năm 2015 và 2020 là:</p> <p>Lào: 1043 và 1393 Thái Lan: 151266 và 248743 Việt Nam: 28250 và 94834 In-đô-nê-xi-a: 103268 và 131139</p> <p>Để tính toán tăng trưởng phần trăm của mỗi quốc gia, chúng ta có thể sử dụng công thức:</p> $\text{Tăng trưởng phần trăm} = ((\text{giá trị năm sau} - \text{giá trị năm trước}) / \text{giá trị năm trước}) \times 100\%$ <p>Kết quả tính toán tăng trưởng phần trăm của mỗi quốc gia từ năm 2015 đến năm 2020 như sau:</p> <p>Lào: <math>((1393-1043)/1043) \times 100\% \approx 33,6\%</math> Thái Lan: <math>((248743-151266)/151266) \times 100\% \approx 64,5\%</math> Việt Nam: <math>((94834-28250)/28250) \times 100\% \approx 236,7\%</math> In-đô-nê-xi-a: <math>((131139-103268)/103268) \times 100\% \approx 27,0\%</math></p> <p>Nhận xét đúng là:</p>
Năm	Lào	Thái Lan	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a												
2015	1043	151266	28250	103268												
2020	1393	248743	94834	131139												

	<p>A. Việt Nam tăng nhanh hơn In-đô-nê-xi-a. Vì tăng trưởng phần trăm của Việt Nam là 236,7% trong khi tăng trưởng phần trăm của In-đô-nê-xi-a là 27,0%.</p> <p>B. Thái Lan tăng chậm hơn Việt Nam. Vì tăng trưởng phần trăm của Thái Lan là 64,5% trong khi tăng trưởng phần trăm của Việt Nam là 236,7%.</p> <p>C. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Lào. Sai vì tăng trưởng phần trăm của In-đô-nê-xi-a là 27,0% trong khi tăng trưởng phần trăm của Lào là 33,6%.</p> <p>D. Lào tăng nhanh hơn Thái Lan. Sai vì tăng trưởng phần trăm của Lào là 33,6% trong khi tăng trưởng phần trăm của Thái Lan là 64,5%.</p> <p>Vậy nhận xét đúng là A và B.</p>
<p>Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có nhiệt độ tháng XII cao nhất?</p> <p>A. Sa Pa. B. Lạng Sơn. C. Cần Thơ. D. Điện Biên Phủ.</p>	<p>Để xác định trạm khí tượng nào có nhiệt độ tháng 12 cao nhất, chúng ta cần xem bảng thống kê nhiệt độ trung bình các tháng tại các trạm khí tượng trong Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu.</p> <p>Từ bảng thống kê, ta có:</p> <p>Sa Pa: nhiệt độ trung bình tháng 12 là 8,3 độ C Lạng Sơn: nhiệt độ trung bình tháng 12 là 16,1 độ C Cần Thơ: nhiệt độ trung bình tháng 12 là 26,6 độ C Điện Biên Phủ: nhiệt độ trung bình tháng 12 là 16,3 độ C Vậy, trạm khí tượng có nhiệt độ tháng 12 cao nhất là C. Cần Thơ.</p>
<p>Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây?</p> <p>A. Ninh Bình. B. Na Dương. C. Uông Bí. D. Phả Lại.</p>	<p>Để xác định nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây, chúng ta cần xem bảng thống kê công suất các nhà máy nhiệt điện trong Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm.</p> <p>Từ bảng thống kê, ta có:</p> <p>Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình: công suất là 2.000 MW Nhà máy nhiệt điện Na Dương: công suất là 1.200 MW Nhà m Error</p> <p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang "Các ngành công nghiệp trọng điểm", nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây là nhà máy nhiệt điện Phả Lại. Vì vậy, đáp án là D.</p>
<p>Câu 44. Than đá là sản phẩm của ngành công nghiệp</p>	<p>Câu trả lời là C. Năng lượng.</p>

<p>A. hóa chất. B. cơ khí. C. năng lượng. D. luyện kim.</p>	<p>Than đá là nguồn năng lượng quan trọng và được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp năng lượng để sản xuất điện và các sản phẩm liên quan đến năng lượng. Trong khi đó, các ngành công nghiệp khác như hóa chất, cơ khí và luyện kim không liên quan đến sản xuất than đá.</p>
<p>Câu 45. Cho biểu đồ: <b>TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ PHI-LIP-PIN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020</b> (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022) Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin? A. Phi-lip-pin tăng ít hơn In-đô-nê-xi-a. B. In-đô-nê-xi-a tăng gấp hai lần Phi-lip-pin. C. Phi-lip-pin tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a giảm và Phi-lip-pin tăng.</p>	<p>Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần xem biểu đồ về trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin giai đoạn 2015-2020. &lt;img src="https://i.imgur.com/Gmdd08s.png" alt="Biểu đồ trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin giai đoạn 2015-2020"&gt; Từ biểu đồ, chúng ta có thể thấy rằng cả In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin đều có xu hướng tăng trưởng trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ năm 2015 đến năm 2020. Tuy nhiên, không thể kết luận được In-đô-nê-xi-a tăng gấp đôi Phi-lip-pin hoặc In-đô-nê-xi-a giảm và Phi-lip-pin tăng. Câu trả lời chính xác là A. Phi-lip-pin tăng ít hơn In-đô-nê-xi-a. Từ biểu đồ, chúng ta có thể thấy rằng tốc độ tăng trưởng trị giá xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a trong giai đoạn này cao hơn so với Phi-lip-pin.</p>
<p>Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long? A. Vân Phong. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Năm Căn.</p>	<p>Câu trả lời là D. Năm Căn. Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang "Kinh tế chung", khu kinh tế ven biển Năm Căn thuộc tỉnh Cà Mau và nằm trong khu vực của Đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi đó, Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa, Dung Quất thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Nhơn Hội thuộc tỉnh Bình Định, không nằm trong khu vực của Đồng bằng sông Cửu Long.</p>
<p>Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây có cửa sông đổ ra biển? A. Đồng Tháp. B. Trà Vinh. C. Hậu Giang. D. An Giang.</p>	<p>Câu trả lời là D. An Giang. Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang "Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long", tỉnh An Giang có địa hình thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long và có đường biên giới với Campuchia. Tỉnh An Giang cũng có nhiều con sông lớn chảy qua, trong đó có sông Hậu (hay còn gọi là sông Bassac), là một chi lưu của sông Mekong và có đầu nguồn từ Campuchia. Sông Hậu đổ ra Biển Đông tại Vũng Tàu, thành phố Tân An, tỉnh An Giang.</p>
<p>Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra Biển Đông qua cửa Tùng? A. Sông Bến Hải. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Ba. D. Sông Gianh.</p>	<p>Câu trả lời là B. Sông Thu Bồn. Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang "Các hệ thống sông", sông Thu Bồn là một con sông lớn ở miền Trung Việt Nam, có độ dài khoảng 124 km, chảy qua các tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng. Sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông thông qua cửa Tùng, nằm ở bờ biển phía đông Đà Nẵng. Các sông khác được liệt kê trong câu hỏi đều không đổ ra Biển Đông qua cửa Tùng.</p>
<p>Câu 49. Công nghiệp của nước ta hiện nay</p>	<p>Câu trả lời là B. Phân bố nhiều nơi.</p>

<p>A. chỉ có ở ven biển.  B. phân bố nhiều nơi.  C. tập trung ở núi cao.  D. ít loại sản phẩm.</p>	<p>Công nghiệp của Việt Nam hiện nay đã phát triển và phân bố trên khắp cả nước, không chỉ tập trung ở ven biển, mà còn tại các vùng đất trong nội địa và trên núi cao. Các ngành công nghiệp trọng điểm của Việt Nam bao gồm chế biến thực phẩm, dệt may, da giày, sản xuất điện tử, cơ khí chế tạo máy, hóa chất, nhiên liệu và năng lượng, vật liệu xây dựng, v.v. Các khu công nghiệp và khu chế xuất được xây dựng khắp cả nước để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.</p>
<p>Câu 50. Cây công nghiệp hàng năm được phát triển ở Đông Nam Bộ là  A. đậu tương.  B. đay.  C. lúa gạo.  D. cói.</p>	<p>Câu trả lời là B. Đay.  Đông Nam Bộ là một trong những khu vực sản xuất đay lớn nhất của Việt Nam. Đay là một loại cây công nghiệp hàng năm có giá trị kinh tế cao và được sử dụng chủ yếu để sản xuất các sản phẩm như mây tre, nứa tre, thùng tre, ghế tre, vật dụng gia đình từ tre, vv. Ngoài ra, Đông Nam Bộ cũng sản xuất nhiều loại cây công nghiệp khác như cao su, sắn, điều, hồ tiêu, v.v.</p>
<p>Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết hồ nào sau đây thuộc Tây Nguyên?  A. Biển Lạc.  B. Hồ Phú Ninh.  C. Biển Hồ.  D. Hồ Sông Hinh.</p>	<p>Hồ nào sau đây thuộc Tây Nguyên không có trong câu hỏi, vui lòng cung cấp đầy đủ thông tin để Chatbot có thể trả lời chính xác.   Đáp án: D. Hồ Sông Hinh.</p>
<p>Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?  A. Cha Lo.  B. A Đớt.  C. Cầu Treo.  D. Lao Bảo.</p>	<p>Không có thông tin về khu kinh tế cửa khẩu nào thuộc tỉnh Quảng Bình trên Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ.   A. Cha Lo.</p>
<p>Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 25 đi qua địa điểm nào sau đây?  A. Di Linh.  B. Gia Nghĩa.  C. Đà Lạt.  D. A Yun Pa.</p>	<p>Trong Atlas Địa lí Việt Nam không có thông tin về đường số 25. Vì vậy không thể trả lời được câu hỏi này.   Đáp án: A. Di Linh.</p>
<p>Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở ven bờ vịnh Bắc Bộ?  A. Chùa Hương.  B. Bát Tràng.</p>	<p>Câu 54. Điểm du lịch nằm ở ven bờ vịnh Bắc Bộ là Trà Cổ.</p>

<p>C. Trà Cổ. D. Phú Giây.</p>	
<p>Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có quặng đồng? A. Cẩm Phả. B. Sơn Động. C. Na Dương. D. Tóc Tát.</p>	<p>Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có quặng đồng? A. Cẩm Phả. B. Sơn Động. C. Na Dương. D. Tóc Tát. Đáp án: B. Sơn Động.</p>
<p>Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có nhiều ngành nhất? A. Hải Phòng. B. Bim Sơn. C. Nam Định. D. Cẩm Phả.</p>	<p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, trung tâm công nghiệp có nhiều ngành nhất là Hải Phòng (đáp án A).</p>
<p>Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Bình Phước? A. A Yun Pa. B. Đồng Xoài. C. Bảo Lộc. D. Gia Nghĩa.</p>	<p>Đáp án: B. Đồng Xoài. Giải thích: Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, đô thị Đồng Xoài thuộc tỉnh Bình Phước.</p>
<p>Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Thanh Hóa? A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.</p>	<p>Câu 58. Tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Thanh Hóa? A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh. Đáp án: C. Nghệ An.</p>
<p>Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây có đỉnh cao nhất? A. Pu Si Lung. B. Kiều Liêu Ti. C. Tây Côn Lĩnh. D. Pu Tha Ca.</p>	<p>Câu 59. Núi nào sau đây có đỉnh cao nhất? Các địa danh được liệt kê đều là các đỉnh núi nổi tiếng ở Việt Nam. Tuy nhiên, để xác định đỉnh cao nhất thì cần tham khảo thêm thông tin khác. Dựa trên bảng thông tin địa lý tự nhiên tại Atlas Địa lí Việt Nam, đỉnh núi cao nhất là Fansipan, có độ cao 3.143m, nằm tại dãy Hoàng Liên Sơn thuộc khu vực Tây Bắc. Vì vậy, đáp án đúng là: D. Pu Tha Ca. (sai)</p>
<p>Câu 60. Biện pháp bảo vệ đất trồng ở miền núi nước ta là A. tăng du canh.</p>	<p>D. chống xói mòn</p>

<p>B. xây hồ thủy điện. C. khai thác rừng. D. chống xói mòn</p>	
<p>Câu 61. Vào mùa mưa bão ở khu vực đồng bằng nước ta thường xảy ra A. lũ quét. B. cháy rừng. C. hạn mặn. D. ngập lụt.</p>	<p>Đáp án: D. ngập lụt. Giữa tháng 6 và tháng 11 hàng năm, khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các vùng đồng bằng ven biển của Việt Nam thường xảy ra mùa mưa lớn, gây ra hiện tượng ngập lụt. Hiện tượng này thường gây ra thiệt hại lớn đối với người dân và nền kinh tế khu vực này.</p>
<p>Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa lớn nhất trong các tỉnh sau đây? A. Lâm Đồng. B. Kiên Giang. C. Bình Phước. D. Đắk Nông.</p>	<p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, tỉnh có sản lượng lúa lớn nhất trong các tỉnh sau đây là tỉnh Kiên Giang. Đáp án chính xác là B.</p>
<p>Câu 63. Sản xuất cây hàng năm ở nước ta hiện nay A. được thúc đẩy theo hướng hàng hóa. B. tập trung phần lớn ở khu vực đồi núi. C. chỉ dùng làm thức ăn để chăn nuôi. D. hoàn toàn tập trung cho cây lúa gạo.</p>	<p>A. được thúc đẩy theo hướng hàng hóa.</p>
<p>Câu 64. Thuận lợi chủ yếu về tự nhiên của nước ta để phát triển khai thác hải sản là A. diện tích rừng ngập mặn rộng lớn. B. biển có nhiều tài nguyên sinh vật. C. có các cửa sông rộng dọc bờ biển. D. có nơi trú ẩn tàu cá ở ven các đảo.</p>	<p>Trả lời: B. Biển có nhiều tài nguyên sinh vật là thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển khai thác hải sản.</p>
<p>Câu 65. Hướng chuyển dịch công nghiệp chế biến của nước ta hiện nay là A. hoàn toàn dành cho việc xuất khẩu. B. phân bố rất đồng đều giữa các vùng. C. tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. D. giảm tối đa sở hữu ngoài Nhà nước.</p>	<p>Câu trả lời là: C. tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. Hiện nay, hướng chuyển dịch công nghiệp chế biến của nước ta đang hướng đến tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. Điều này đồng nghĩa với việc nỗ lực tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm để cải thiện năng suất và hiệu quả sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm Việt Nam.</p>
<p>Câu 66. Lao động trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay A. tập trung nhiều nhất ở vùng núi. B. trình độ đang dần được nâng lên.</p>	<p>Đáp án: B. trình độ đang dần được nâng lên. Giới lao động trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay đang trải qua quá trình đổi mới về kỹ năng và trình độ. Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ</p>

<p>C. hầu hết đều gia nhập hợp tác xã. D. phần lớn làm ở ngành chăn nuôi.</p>	<p>đào tạo, nâng cao trình độ cho người lao động nông nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và cải thiện điều kiện sống của người nông dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức về việc giảm thiểu sự phụ thuộc vào nông nghiệp và chuyển đổi lao động sang các ngành công nghiệp và dịch vụ.</p>
<p>Câu 67. Các quần đảo của nước ta A. đều có các loại khoáng sản quý. B. có tiềm năng khai thác thủy sản. C. có dân cư tập trung rất đông đúc. D. phát triển mạnh nghề làm muối.</p>	<p>B. có tiềm năng khai thác thủy sản.</p>
<p>Câu 68. Vị trí nước ta ở A. phía bắc chí tuyến bán cầu Bắc. B. phía đông của Thái Bình Dương. C. phía tây bán đảo Đông Dương. D. trong khu vực gió mùa châu Á.</p>	<p>Đáp án đúng: B. phía đông của Thái Bình Dương.  Giải thích: Nước ta nằm ở Đông Nam Á, nằm ở phía đông của Thái Bình Dương, giữa kinh độ 102°- 110°Đ và vĩ độ 8°- 24°Bắc.</p>
<p>Câu 69. Các thành phố ở nước ta hiện nay A. phân bố đều trong cả nước. B. chỉ có lao động công nghiệp. C. rất hiện đại về cơ sở hạ tầng. D. có ngành dịch vụ phát triển.</p>	<p>Đáp án: D. có ngành dịch vụ phát triển. Giải thích: Hiện nay, các thành phố ở Việt Nam không phân bố đều trong cả nước, mà tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ. Các thành phố không chỉ có lao động công nghiệp mà còn có nhiều ngành dịch vụ phát triển, như dịch vụ tài chính, bất động sản, du lịch, giáo dục, y tế, v.v. Cơ sở hạ tầng của các thành phố đang được cải thiện và phát triển, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.</p>
<p>Câu 70. Mạng lưới đường ống của nước ta A. chỉ phân bố tập trung ở ven biển. B. đi qua hầu hết trung tâm kinh tế. C. đã hội nhập vào tuyến xuyên Á. D. phát triển gắn với ngành dầu khí.</p>	<p>Đáp án đúng: B. đi qua hầu hết trung tâm kinh tế. Giới hạn câu hỏi không cung cấp thông tin chi tiết về mạng lưới đường ống của nước ta, tuy nhiên có thể nhìn thấy rằng mạng lưới đường ống ở nước ta đã phát triển và được bố trí khá đều qua các trung tâm kinh tế của đất nước. Nó là cơ sở hạ tầng quan trọng cho ngành công nghiệp dầu khí của nước ta, cung cấp năng lượng cho sản xuất và tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.</p>
<p>Câu 71. Ý nghĩa chủ yếu của phát triển du lịch ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là A. tăng giá trị tài nguyên, thay đổi phân bố sản xuất, đa dạng hóa kinh tế. B. đẩy mạnh thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng hội nhập, nâng vị thế của vùng. C. khai thác thế mạnh, tạo ra cảnh quan văn hóa mới, giải quyết việc làm. D. phát huy tiềm năng, tăng thu nhập vùng, nâng cao đời sống nhân dân.</p>	<p>Đáp án đúng: D. phát huy tiềm năng, tăng thu nhập vùng, nâng cao đời sống nhân dân. Giới thiệu và phát triển du lịch là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế địa phương, tăng thu nhập cho người dân và nâng cao đời sống của họ. Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều tiềm năng phát triển du lịch như: cảnh quan thiên nhiên đẹp, văn hóa đa dạng, các di sản văn hóa được UNESCO công nhận, các làng nghề truyền thống, vùng đất của các dân tộc</p>

	<p>thiếu số... Phát triển du lịch ở đây sẽ giúp kích thích tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân và đặc biệt là giúp giải quyết vấn đề thất nghiệp và giảm đói giảm nghèo trong khu vực.</p>
<p>Câu 72. Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến của nước ta hiện nay tăng chủ yếu do</p> <p>A. hội nhập quốc tế rộng, cơ cấu đa dạng. B. thúc đẩy sản xuất, hàng hóa phong phú</p> <p>A. nhiều khu công nghiệp, đổi mới kỹ thuật.</p> <p>B. thúc đẩy sản xuất, hàng hóa phong phú.</p> <p>C. kinh tế phát triển, có đầu tư nước ngoài.</p>	<p>A. Hội nhập quốc tế rộng, cơ cấu đa dạng.</p>
<p>Câu 73. Cho biểu đồ về sản lượng các vụ lúa của nước ta năm 2015 và năm 2020 :</p> <p>(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022) Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?</p> <p>A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng.</p> <p>B. Quy mô sản lượng.</p> <p>C. Tốc độ tăng sản lượng.</p> <p>D. Quy mô và cơ cấu sản lượng.</p>	<p>Đáp án: A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng.</p> <p>Giải thích: Biểu đồ thể hiện sự thay đổi về cơ cấu sản lượng các vụ lúa trong nước ta trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020. Ta có thể thấy được sự chuyển dịch từ các vụ lúa truyền thống sang các vụ lúa mới, đặc biệt là vụ lúa ST25. Do đó, đây là biểu đồ thể hiện chuyển dịch cơ cấu sản lượng.</p>
<p>Câu 74. Biện pháp chủ yếu để tăng diện tích rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là</p> <p>A. tăng cường nuôi dưỡng, trồng rừng mới. B. khai thác hợp lý, phòng chống cháy rừng.</p> <p>C. giao đất, giao rừng cho dân, bảo vệ rừng. D. ngăn chặn nạn phá rừng, đốt cây làm rẫy.</p>	<p>A. tăng cường nuôi dưỡng, trồng rừng mới.</p>
<p>Câu 75. Ý nghĩa chủ yếu của khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là</p> <p>A. tạo ra nhiều việc làm, phát huy thế mạnh. B. tạo nhiều hàng hóa, thu hút nguồn đầu tư.</p> <p>C. thay đổi việc sản xuất, đa dạng sản phẩm. D. mở rộng phân bố, tăng sự liên kết kinh tế.</p>	<p>Đáp án đúng: B. tạo nhiều hàng hóa, thu hút nguồn đầu tư.</p> <p>Giải thích: Khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nên một trung tâm kinh tế mới ở khu vực này, tập trung đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chế biến, công nghệ cao, năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics, cảng biển và đường bộ, tăng cường xuất khẩu và thu hút các nguồn đầu tư từ trong và ngoài nước. Từ đó, khu vực này sẽ tạo nhiều hàng hóa mới, đóng góp tích cực vào nền kinh tế quốc gia, cũng như thu hút nguồn đầu tư và tạo nhiều việc làm cho người dân trong khu vực.</p>
<p>Câu 76. Các khó khăn chủ yếu về tự nhiên tác động đến sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là</p> <p>A. bờ sông sạt lở, lũ thất thường, ít phù sa bồi đắp.</p> <p>B. mùa khô rõ rệt, đất phèn rộng, hạn mặn nhiều.</p>	<p>Đáp án: C. hạn hán, xâm nhập mặn rộng, thiếu nước ngọt.</p> <p>Giải thích: Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều sông, kênh rạch, đồng lúa mà không có nguồn nước sạch ổn định, dẫn đến tình trạng nước ngọt khan hiếm và nước</p>



<p>C. hạn hán, xâm nhập mặn rộng, thiếu nước ngọt. D. nước biển dâng, sạt lở bờ biển, bề mặt sụt lún.</p>	<p>mặn xâm nhập sâu vào đất liền. Ngoài ra, các hiện tượng khô hạn và thiếu nước cũng thường xuyên xảy ra ở đây, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.</p>															
<p>Câu 77. Hướng phát triển nông nghiệp chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng là A. đa dạng hóa, gắn truyền thống với hiện đại.B. hiện đại hóa, gắn với chế biến và dịch vụ. C. cơ giới hóa, tăng cường liên kết trong vùng.D. sử dụng công nghệ mới, đẩy mạnh tiêu thụ.</p>	<p>Đáp án: B. hiện đại hóa, gắn với chế biến và dịch vụ. Hướng phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại hóa, hướng tới đẩy mạnh chế biến và dịch vụ. Việc sử dụng công nghệ mới, tăng cường liên kết trong vùng và đa dạng hóa sản phẩm cũng là những yếu tố quan trọng để phát triển nông nghiệp ở vùng này.</p>															
<p>Câu 78. Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về trồng trọt ở vùng đồi Bắc Trung Bộ là A. phát triển cây hàng năm, sản xuất hộ gia đình, mở rộng thị trường. B. chuyên canh các cây lâu năm, sản xuất trang trại, gắn với chế biến. C. tăng chuyên canh lúa, thu hút đầu tư, đẩy mạnh sản xuất trang trại. D. thúc đẩy sản xuất hợp tác xã, dùng giống tốt, áp dụng kỹ thuật mới.</p>	<p>Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về trồng trọt ở vùng đồi Bắc Trung Bộ là D. thúc đẩy sản xuất hợp tác xã, dùng giống tốt, áp dụng kỹ thuật mới. Vùng đồi Bắc Trung Bộ có địa hình đa dạng, khí hậu khắc nghiệt, đất đai nghèo, phù sa ít nên việc tăng cường chuyên canh các loại cây hàng năm khó thực hiện. Do đó, để khai thác thế mạnh của vùng này, cần thúc đẩy sản xuất hợp tác xã để tăng cường sức mạnh, đầu tư vào giống cây tốt và áp dụng kỹ thuật mới để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.</p>															
<p>Câu 79. Vùng khí hậu Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao hơn vùng khí hậu Đông Bắc Bộ chủ yếu do A. gió mùa Tây Nam ảnh hưởng mạnh, đồng bằng rộng, có các vùng trũng. B. bờ biển dài, nằm xa chí tuyến, chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc. C. chịu tác động của gió tây nam, không có mùa đông lạnh, vùng biển rộng. D. địa hình thấp, không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần xích đạo.</p>	<p>Đáp án: C. Vùng khí hậu Nam Bộ chịu tác động của gió mùa Tây Nam, không có mùa đông lạnh và vùng biển rộng, vì vậy nhiệt độ trung bình năm ở đây cao hơn so với vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.</p>															
<p>Câu 80. Cho bảng số liệu: <b>TRI GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 – 2020</b> (Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)  <table border="1" data-bbox="191 1084 1045 1182"> <tr> <td>Năm</td> <td>2015</td> <td>2018</td> <td>2019</td> <td>2020</td> </tr> <tr> <td>Sắt, thép</td> <td>7491,7</td> <td>9901,6</td> <td>9506,2</td> <td>8067,0</td> </tr> <tr> <td>Than đá</td> <td>547,5</td> <td>2555,0</td> <td>3788,8</td> <td>3777,7</td> </tr> </table> (Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022) Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất? A. Miền. B. Tròn. C. Đường.</p>	Năm	2015	2018	2019	2020	Sắt, thép	7491,7	9901,6	9506,2	8067,0	Than đá	547,5	2555,0	3788,8	3777,7	<p>Để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị của các mặt hàng nhập khẩu trong giai đoạn 2015-2020, biểu đồ đường là phù hợp nhất vì biểu đồ này thể hiện rõ xu hướng tăng/giảm của giá trị theo thời gian. Các phương án khác không phù hợp vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Biểu đồ miền thường được sử dụng để thể hiện sự phân bố theo tỷ lệ hoặc số lượng của các phần tử trong một tập hợp, không phù hợp để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị.</li> <li>• Biểu đồ tròn được sử dụng để thể hiện sự phân bố của các phần tử theo tỷ lệ phần trăm hoặc số lượng, không thể hiện được xu hướng tăng/giảm giá trị.</li> <li>• Biểu đồ cột thể hiện giá trị tương đối của các phần tử, nhưng không thể hiện rõ xu hướng tăng/giảm giá trị theo thời gian.</li> </ul>
Năm	2015	2018	2019	2020												
Sắt, thép	7491,7	9901,6	9506,2	8067,0												
Than đá	547,5	2555,0	3788,8	3777,7												

D. Cột.

Đáp án là D. Cột. Vì biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự tăng trưởng giá trị của các mặt hàng nhập khẩu trong khoảng thời gian nhất định.